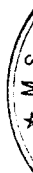




**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ -  
Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con**

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2016**



## **Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con Báo cáo của Hội đồng Quản trị**

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa (“Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) trình bày báo cáo của Hội đồng Quản trị và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty tại ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

### **Thông tin về Công ty**

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh 19 lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0301427028 ngày 11 tháng 9 năm 2015.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh có giá trị trong thời hạn không xác định.

Công ty có trụ sở tại Tầng 9, Tòa nhà Vietcombank, số 5 Công trường Mê Linh, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông La Văn Hoàng	Chủ tịch
	Bà La Bùi Hồng Ngọc	Phó Chủ tịch
	Ông La Bùi Hoàng Nghĩa	Phó Chủ tịch
	Bà Bùi Bích Hồng	Thành viên

<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Ông La Văn Hoàng	Tổng Giám đốc
	Bà La Bùi Hồng Ngọc	Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh và Quan hệ Đối ngoại
	Bà Nguyễn Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc Tài chính và Đầu tư
	Ông La Bùi Hoàng Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc Tiếp thị
	Bà Nguyễn Bạch Kim Vy	Phó Tổng Giám đốc Nhân sự
	Bà Đào Thị Thuận	Phó Tổng Giám đốc Cung ứng và Điều vận
	Bà Nguyễn Thị Châu	Giám đốc Quản trị Rủi Ro
	Ông Đặng Thái Bình	Giám đốc Pháp chế

### **Kết quả hoạt động và cổ tức**

Lợi nhuận thuần hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 9.592.344.716 VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015: 3.181.282.142 VND). Trong kỳ, Công ty công bố cổ tức là 48.245.922.000 VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015: không).

### **Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **Đơn vị kiểm toán**

Đơn vị kiểm toán của Công ty là Công ty TNHH KPMG.

## **Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)**

### **Tuyên bố trách nhiệm của Hội đồng Quản trị về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho mỗi giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ. Khi lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Hội đồng Quản trị phải:

- Chọn các nguyên tắc kế toán phù hợp và áp dụng các nguyên tắc này một cách thích hợp;
- Đưa ra đánh giá và ước tính hợp lý và thận trọng;
- Tuyên bố việc tuân thủ các nguyên tắc kế toán, trừ những ngoại lệ đã được thuyết minh và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất theo giả định hoạt động liên tục trừ khi giả định này không còn phù hợp.

Hội đồng Quản trị xác nhận Tập đoàn đã tuân theo những yêu cầu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo việc ghi chép kế toán đúng sổ sách kế toán của Tập đoàn và những sổ sách này cung cấp một cách tương đối chính xác thông tin tài chính của Tập đoàn tại mọi thời điểm. Hội đồng Quản trị cũng có trách nhiệm bảo vệ tài sản của Tập đoàn và do đó có trách nhiệm thực hiện các bước hợp lý nhằm ngăn ngừa và phát hiện những gian lận và bất thường.

### **Phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:



**La Văn Hoàng**  
Chủ tịch

Ngày 5 tháng 8 năm 2016



**KPMG Limited Branch**

10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower, 115 Nguyen Hue Street,  
Ben Nghe Ward, District 1, Ho Chi Minh City,  
Vietnam

Tel: +84 8 3821 9266  
Fax: +84 8 3821 9267  
www.kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

### **Kính gửi các Cổ đông**

### **Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con (“Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 5 tháng 8 năm 2016, được trình bày từ trang 5 đến trang 47.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410, “Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện”.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam**

Báo cáo soát xét số: 16-01-205/HN



Nguyễn Thanh Nghị

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0304-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 8 năm 2016

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016**

**Mẫu B 01a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>777.202.296.798</b>	<b>723.369.225.228</b>
<b>Tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>39.017.810.527</b>	<b>89.554.343.631</b>
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>140.000.000.000</b>	<b>110.000.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	140.000.000.000	110.000.000.000
<b>Phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>317.005.260.293</b>	<b>264.758.028.348</b>
Phải thu của khách hàng	131	7	161.935.403.706	166.392.223.395
Trả trước cho người bán	132		26.345.973.282	46.555.992.801
Phải thu về cho vay	135	8	19.700.000.000	19.700.000.000
Phải thu khác	136	9	109.393.358.257	32.479.287.104
Dự phòng phải thu khó đòi	137	10	(369.474.952)	(369.474.952)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>191.670.997.840</b>	<b>189.457.537.525</b>
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>89.508.228.138</b>	<b>69.599.315.724</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	16(a)	20.765.029.764	15.163.620.582
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		46.253.919.962	30.258.146.656
Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	153	20(b)	22.489.278.412	24.177.548.486

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>1.304.734.933.618</b>	<b>1.160.821.401.085</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>19.205.541.190</b>	<b>15.527.926.800</b>
<b>Fixed assets</b>	<b>220</b>		<b>1.169.389.851.713</b>	<b>1.060.982.781.943</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	12	680.184.790.971	602.116.736.663
<i>Nguyên giá</i>	222		1.279.606.867.320	1.173.478.752.635
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(599.422.076.349)	(571.362.015.972)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	13	182.198.659.235	183.388.169.164
<i>Nguyên giá</i>	225		265.947.154.930	251.005.866.748
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(83.748.495.695)	(67.617.697.584)
Tài sản cố định vô hình	227	14	307.006.401.507	275.477.876.116
<i>Nguyên giá</i>	228		326.103.351.218	293.022.726.538
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(19.096.949.711)	(17.544.850.422)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>70.370.984.290</b>	<b>10.682.444.920</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	15	70.370.984.290	10.682.444.920
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>30.000.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	6	-	30.000.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>45.768.556.425</b>	<b>43.628.247.422</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	16(b)	19.042.810.342	13.623.519.003
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	449.907.060	432.363.900
Lợi thế thương mại	269	18	26.275.839.023	29.572.364.519
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>2.081.937.230.416</b>	<b>1.884.190.626.313</b>

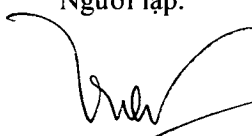
*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*


**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>1.450.472.951.792</b>	<b>1.213.272.770.405</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.245.892.430.006</b>	<b>1.078.958.885.987</b>
Phải trả người bán	311	19	200.398.082.194	146.987.010.320
Người mua trả tiền trước	312		16.323.222.834	21.614.323.601
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	313	20(a)	7.704.568.346	5.993.182.680
Phải trả người lao động	314		5.769.088.420	3.503.022.999
Chi phí phải trả	315	21	16.448.945.076	18.484.741.653
Phải trả khác	319	22	48.146.264.320	4.362.125.436
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23(a)	948.133.604.380	875.042.724.862
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		2.968.654.436	2.971.754.436
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>204.580.521.786</b>	<b>134.313.884.418</b>
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	23(b)	166.950.521.786	96.683.884.418
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	17	37.630.000.000	37.630.000.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>631.464.278.624</b>	<b>670.917.855.908</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>24</b>	<b>631.464.278.624</b>	<b>670.917.855.908</b>
Vốn cổ phần	411	25	522.500.000.000	522.500.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		46.900.000.000	46.900.000.000
Cổ phiếu quỹ	415	25	(88.088.780.000)	(88.088.780.000)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		5.714.053.793	5.714.053.793
Quỹ đầu tư phát triển	418	26(i)	11.293.166.612	11.293.166.612
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	26(ii)	192.503.849	192.503.849
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		132.188.545.836	170.663.978.335
- <i>LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước</i>	421a		122.418.056.335	118.841.762.757
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		9.770.489.501	51.822.215.578
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		764.788.534	1.742.933.319
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>2.081.937.230.416</b>	<b>1.884.190.626.313</b>

Ngày 5 tháng 8 năm 2016

Người lập:  
  
 Đồng Thị Ngọc Triều  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:  
  
  
 Lê Văn Hoàng  
 Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*



**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**

**Mẫu B 02a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
			30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Doanh thu bán hàng	01	29	860.707.060.432	867.087.285.516
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	15.076.912.622	6.086.168.433
<b>Doanh thu thuần về bán hàng</b> <b>(10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>29</b>	<b>845.630.147.810</b>	<b>861.001.117.083</b>
Giá vốn hàng bán	11		561.115.439.448	615.125.699.441
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>284.514.708.362</b>	<b>245.875.417.642</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	7.213.142.305	2.301.985.808
Chi phí tài chính	22	31	30.665.929.246	37.035.807.700
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>30.131.330.960</i>	<i>32.955.715.805</i>
Chi phí bán hàng	25	32	185.794.414.585	119.152.716.492
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	50.514.723.932	37.099.160.484
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh</b> <b>doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>24.752.782.904</b>	<b>54.889.718.774</b>
Thu nhập khác	31	34	896.525.821	2.655.513.964
Chi phí khác	32	35	6.562.105.763	2.677.096.186
<b>Kết quả từ hoạt động khác</b> <b>(40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(5.665.579.942)</b>	<b>(21.582.222)</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b> <b>(50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>19.087.202.962</b>	<b>54.868.136.552</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	37	9.512.401.406	10.393.391.961
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	37	(17.543.160)	41.293.462.449
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN</b> <b>(60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>9.592.344.716</b>	<b>3.181.282.142</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*


**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 02a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
			30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN</b> (60 = 50 - 51 - 52)	60		9.592.344.716	3.181.282.142
<b>Phân bổ:</b>				
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	24	9.770.489.501	3.930.788.239
Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	24	(178.144.785)	(749.506.097)
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	39	203	81

Ngày 5 tháng 8 năm 2016

Người lập:

  
 Đồng Thị Ngọc Triều  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

  
  
 La Văn Hoàng  
 Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã Thuyết số minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
		30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>19.087.202.962</b>	<b>54.868.136.552</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	65.047.735.266	68.878.214.443
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(50.696.630)	1.475.398.991
(Lãi)/lỗ từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	05	(85.577.559)	747.926.960
Lỗ từ xóa sổ xây dựng cơ bản dở dang	05	6.344.480.546	-
Thu nhập lãi tiền gửi	05	(5.514.086.209)	(1.867.891.224)
Chi phí lãi vay	06	30.131.330.960	32.955.715.805
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>114.960.389.336</b>	<b>157.057.501.527</b>
Biến động các khoản phải thu	09	(64.010.032.744)	(35.791.292.137)
Biến động hàng tồn kho	10	(2.213.460.315)	49.722.923.711
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	50.243.140.951	(11.534.901.489)
Biến động chi phí trả trước	12	(10.855.700.521)	(10.560.042.512)
		<b>88.124.336.707</b>	<b>148.894.189.100</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	(29.048.763.520)	(33.173.798.534)
Thuế thu nhập đã nộp	15	(5.792.289.538)	(6.905.462.176)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	817.920.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.100.000)	(20.846.657)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>53.280.183.649</b>	<b>109.612.001.733</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(223.418.194.089)	(4.121.564.953)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	90.000.000	341.488.750
Tiền chi đầu tư tiền gửi có thời hạn	23	-	(50.000.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư tiền gửi có thời hạn	23	-	50.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27	159.416.761	1.867.891.224
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(223.168.777.328)</b>	<b>(1.912.184.979)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

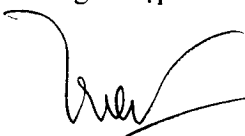
**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã Thuyết số minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
		30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ đi vay	33	1.104.623.562.846	943.378.926.507
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(947.311.270.716)	(993.504.593.309)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(29.423.232.134)	(31.551.571.102)
Tiền trả cổ tức	36	(8.538.082.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>119.350.977.996</b>	<b>(81.677.237.904)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b> <b>(50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(50.537.615.683)</b>	<b>26.022.578.850</b>
Tiền đầu kỳ	60	89.554.343.631	49.279.280.881
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền	61	1.082.579	(572.794)
<b>Tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70 5</b>	<b>39.017.810.527</b>	<b>75.301.286.937</b>


Ngày 5 tháng 8 năm 2016

Người lập:

  
 Đồng Thị Ngọc Triều  
 Kế toán trưởng



Người duyệt:

  
 Nguyễn Văn Hoàng  
 Tổng Giám đốc

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 gồm Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

**(b) Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Tập đoàn là sản xuất nhựa, khuôn đúc, phụ tùng, nước tinh khiết, soda và nước ngọt; cung cấp các dịch vụ ký gửi và vận chuyển bằng xe ô-tô, in bao bì ngoại trừ bao bì kim loại, sản xuất thực phẩm, hải sản, sữa và các sản phẩm liên quan và nước giải khát không cồn.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là trong vòng 12 tháng.

**(d) Cấu trúc Tập đoàn**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có 6 công ty con (1/1/2016: 5 công ty con) như sau:

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các công ty con	Hoạt động chính	% sở hữu và quyền biểu quyết	
		30/6/2016	1/1/2016
<b>Công ty con trực tiếp</b>			
Công ty Cổ phần PET Quốc tế	Sản xuất các sản phẩm bằng nhựa, khuôn mẫu và sản phẩm công nghiệp	98%	98%
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hồng Phú	Sản xuất nước chấm, sữa và các sản phẩm liên quan, nước giải khát không cồn; sản xuất các sản phẩm bằng nhựa	98%	98%
Công ty Cổ phần Nhựa P.E.T Việt Nam	Sản xuất bao bì bằng nhựa	99%	99%
Công ty Cổ phần Nắp Toàn cầu	Sản xuất bao bì bằng nhựa, khuôn kim loại	99%	99%
Công ty TNHH MTV Bao Bì Quốc Tế Ngọc Nghĩa	Sản xuất bao bì bằng nhựa	100%	100%
Công ty TNHH Thịt Ngon Quốc Tế (*)	Sản xuất, bảo quản và phân phối thịt và các sản phẩm liên quan.	100%	-
<b>Công ty con gián tiếp</b>			
Công ty TNHH hàng tiêu dùng Thái Long (**)	Sản xuất nước chấm, sữa và các sản phẩm liên quan, nước giải khát không cồn; sản xuất các sản phẩm bằng nhựa	100%	-

(\*) Tại ngày 29 tháng 2 năm 2016, theo biên bản số 007/NQ/HDQT/NNG/16, Hội đồng Quản trị quyết định thành lập Công ty TNHH Thịt Ngon Quốc Tế với vốn pháp định do Công ty đóng góp. Tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty đã hoàn thành việc góp vốn.

(\*\*) Công ty TNHH hàng tiêu dùng Thái Long được thành lập vào ngày 25 tháng 2 năm 2016 và sở hữu toàn bộ bởi Công ty Cổ phần Thực phẩm Hồng Phú

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tập đoàn có 1.700 nhân viên (1 tháng 1 năm 2016: 1.255 nhân viên).

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Giả định hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 469 tỷ VND (1/1/2016: 356 tỷ VND). Hơn nữa, Tập đoàn có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 23). Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản tùy thuộc vào khả năng của Tập đoàn có thể tạo ra đủ dòng tiền từ các hoạt động của mình và việc các ngân hàng tiếp tục duy trì đầy đủ và thích hợp các hạn mức tín dụng nhằm giúp Tập đoàn có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Tập đoàn trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại thời điểm lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc tin rằng Tập đoàn sẽ không tạo đủ dòng tiền và các ngân hàng sẽ không tiếp tục cung cấp đầy đủ các hạn mức tín dụng.

**(d) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(e) Đơn vị tiền tệ kế toán và đơn vị tiền tệ trình bày báo cáo**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

**(a) Cơ sở hợp nhất**

**(i) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát (“NCI”) được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

**(iii) Mất quyền kiểm soát**

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

**(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

**(v) Hợp nhất kinh doanh**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

**(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND lần lượt được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(d) Các khoản đầu tư**

***Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

**(e) Các khoản phải thu**

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 25 năm
▪ thiết bị văn phòng	4 – 8 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm

**(h) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(g).

**(i) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng từ 43 đến 50 năm.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không tính khấu hao.

**(ii) Phần mềm máy tính**

Giá mua của phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(j) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(k) Chi phí trả trước dài hạn**

***Công cụ và dụng cụ***

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

**(l) Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua công ty con, công ty liên doanh và liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi phân bổ lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Tổng Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

**(m) Phải trả người bán và phải trả khác**

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

**(n) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(o) Vốn cổ phần**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)**

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

**(p) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất độ ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(q) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo giá trị thuần sau khi trừ đi các khoản chiết khấu bán hàng theo hoá đơn.

**(ii) Thu nhập lãi tiền gửi**

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(r) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(s) Lãi trên cổ phiếu**

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

**(t) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**(u) Các bên liên quan**

Các bên được xem có liên quan với Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên khác hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các cá nhân hoặc các tổ chức doanh nghiệp và bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**4. Báo cáo bộ phận**

**(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh**

	Nhựa		Thực phẩm		Loại trừ		Hợp nhất	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc 30/6/2016 VND	30/6/2015 VND	Giai đoạn sáu tháng kết thúc 30/6/2016 VND	30/6/2015 VND	Giai đoạn sáu tháng kết thúc 30/6/2016 VND	30/6/2015 VND	Giai đoạn sáu tháng kết thúc 30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Doanh thu bán hàng bên ngoài	614.239.162.012	676.891.420.718	231.390.985.798	184.109.696.365	-	-	845.630.147.810	861.001.117.083
Doanh thu trong bộ phận	658.634.063.910	445.812.843.889	83.499.620.356	188.043.096	(742.133.684.266)	(446.000.886.985)	-	-
Doanh thu giữa các bộ phận	14.515.002.665	12.335.769.760	114.000.000	258.962.185	(14.629.002.665)	(12.594.731.945)	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính	136.426.168.787	34.609.902.225	37.831.874	140.310.430	(129.250.858.356)	(32.448.226.847)	7.213.142.305	2.301.985.808
<b>Tổng doanh thu bộ phận</b>	<b>1.423.814.397.374</b>	<b>1.169.649.936.592</b>	<b>315.042.438.028</b>	<b>184.697.012.076</b>	<b>(886.013.545.287)</b>	<b>(491.043.845.777)</b>	<b>852.843.290.115</b>	<b>863.303.102.891</b>
Chi phí bộ phận	(1.223.911.240.732)	(993.265.391.027)	(388.324.242.538)	(241.795.420.512)	784.144.976.059	426.647.427.422	(828.090.507.211)	(808.413.384.117)
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>	<b>199.903.156.642</b>	<b>176.384.545.565</b>	<b>(73.281.804.510)</b>	<b>(57.098.408.436)</b>	<b>(101.868.569.228)</b>	<b>(64.396.418.355)</b>	<b>24.752.782.904</b>	<b>54.889.718.774</b>
Thu nhập khác							896.525.821	2.655.513.964
Chi phí khác							(6.562.105.763)	(2.677.096.186)
Thuế thu nhập							(9.494.858.246)	(51.686.854.410)
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>							<b>9.592.344.716</b>	<b>3.181.282.142</b>



**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý**

**(i) Doanh thu bộ phận**

	<b>Doanh thu bán ra bên ngoài</b>	
	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc</b>	
	<b>30/6/2016</b>	<b>30/6/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong nước	736.536.673.126	747.501.665.850
Xuất khẩu	109.093.474.684	113.499.451.233
	<hr/>	<hr/>
	845.630.147.810	861.001.117.083
	<hr/>	<hr/>

**(ii) Tài sản bộ phận**

	<b>Tổng tài sản</b>	
	<b>30/6/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong nước	2.081.937.230.416	1.884.190.626.313
	<hr/>	<hr/>



**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**5. Tiền**

	<b>30/6/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	831.474.533	4.616.413.144
Tiền gửi ngân hàng	38.186.335.994	84.937.930.487
	<hr/>	<hr/>
	39.017.810.527	89.554.343.631
	<hr/>	<hr/>

**6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<b>30/6/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn	140.000.000.000	110.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn	-	30.000.000.000
	<hr/>	<hr/>

Tiền gửi có kỳ hạn một năm và hưởng lãi suất năm dao động từ 6,0% đến 7,1% (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015: 7,1%) trong kỳ.

Tiền gửi ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 bao gồm 30.000 triệu VND (1 tháng 1 năm 2016: không) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (thuyết minh 23(a)).

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**7. Phải thu của khách hàng**

**Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	<b>30/6/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH nước giải khát Coca-Cola Việt Nam	36.810.638.177	28.018.285.731
Công ty TNHH nước giải khát Sunstory Pepsico Việt Nam	26.865.030.358	23.612.987.955
Công ty TNHH Quốc tế Unilever Việt Nam	24.865.466.516	26.592.163.857
Khách hàng khác	73.394.268.655	88.168.785.852
	<hr/>	<hr/>
	161.935.403.706	166.392.223.395
	<hr/>	<hr/>

**8. Phải thu về cho vay**

Phải thu về cho vay phản ánh khoản cho nhân viên của Tập đoàn vay trong vòng một năm, không được bảo đảm và được hưởng lãi suất năm 6,5% trong kỳ.

**9. Phải thu khác**

	<b>30/6/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi phải thu từ tiền gửi	8.808.248.616	3.453.579.168
Tạm ứng cho nhân viên (*)	58.514.581.757	19.785.854.818
Khác	42.070.527.884	9.239.853.118
	<hr/>	<hr/>
	109.393.358.257	32.479.287.104
	<hr/>	<hr/>

(\*) Khoản phải thu này phản ánh tạm ứng cho nhân viên đại diện Tập đoàn để mua nguyên vật liệu.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Nợ xấu và nợ khó đòi**

	30/6/2016				1/1/2016			
	Số ngày quá hạn	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Số ngày quá hạn	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Nợ quá hạn								
Công Ty Cổ Phần Nước Khoáng ĐaKai	3 năm	84.092.264	-	84.092.264	2 – 3 năm	84.092.264	-	84.092.264
Công ty TNHH Vàng Biển Đông	3 năm	89.994.528	-	89.994.528	2 – 3 năm	89.994.528	-	89.994.528
Công ty Cổ Phần Công Nghiệp MASAN	3 năm	118.467.360	-	118.467.360	2 – 3 năm	118.467.360	-	118.467.360
Công ty TNHH TMDV Minh Quân	3 năm	37.573.800	-	37.573.800	2 – 3 năm	37.573.800	-	37.573.800
Khác	3 năm	39.347.000	-	39.347.000	2 – 3 năm	39.347.000	-	39.347.000
		<hr/>		<hr/>		<hr/>		<hr/>
		369.474.952	-	369.474.952		369.474.952	-	369.474.952
		<hr/>		<hr/>		<hr/>		<hr/>
Trong đó:								
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn				369.474.952				369.474.952
				<hr/>				<hr/>

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Hàng tồn kho**

	<b>30/6/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hàng mua đang đi đường	606.779.434	40.644.392
Nguyên vật liệu	77.327.469.557	69.301.043.593
Công cụ và dụng cụ	6.135.076.957	5.885.878.714
Sản phẩm dở dang	35.526.934.067	32.722.023.991
Thành phẩm	42.257.883.983	62.959.125.659
Hàng hóa	23.260.351.897	15.634.872.790
Hàng gửi đi bán	6.556.501.945	2.913.948.386
	<hr/>	<hr/>
	191.670.997.840	189.457.537.525
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa VND	Thiết bị văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	156.813.553.472	8.380.531.895	968.411.241.134	39.873.426.134	1.173.478.752.635
Tăng trong kỳ	614.453.485	518.250.000	2.772.011.122	-	3.904.714.607
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	214.300.000	117.546.672.512	475.102.000	118.236.074.512
Thanh lý	-	(431.585.209)	(15.581.089.225)	-	(16.012.674.434)
Số dư cuối kỳ	157.428.006.957	8.681.496.686	1.073.148.835.543	40.348.528.134	1.279.606.867.320
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	41.864.011.653	6.150.677.065	501.484.889.802	21.862.437.452	571.362.015.972
Khấu hao trong kỳ	3.720.458.302	540.486.412	37.800.706.686	2.006.660.970	44.068.312.370
Thanh lý	-	(427.162.768)	(15.581.089.225)	-	(16.008.251.993)
Số dư cuối kỳ	45.584.469.955	6.264.000.709	523.704.507.263	23.869.098.422	599.422.076.349
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu kỳ	114.949.541.819	2.229.854.830	466.926.351.332	18.010.988.682	602.116.736.663
Số dư cuối kỳ	111.843.537.002	2.417.495.977	549.444.328.280	16.479.429.712	680.184.790.971

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 153.167 triệu VND được khấu hao hết đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 (1 tháng 1 năm 2016: 175.097 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 463.079 triệu VND (1 tháng 1 năm 2016: 371.582 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (thuyết minh 23(a) và thuyết minh 23(b)(i)).

**13. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	152.780.346.608	98.225.520.140	251.005.866.748
Tăng trong kỳ	-	6.602.788.181	6.602.788.181
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	7.532.500.001	806.000.000	8.338.500.001
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>160.312.846.609</b>	<b>105.634.308.321</b>	<b>265.947.154.930</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	58.954.958.414	8.662.739.170	67.617.697.584
Khấu hao trong kỳ	11.545.750.812	4.585.047.299	16.130.798.111
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>70.500.709.226</b>	<b>13.247.786.469</b>	<b>83.748.495.695</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	93.825.388.194	89.562.780.970	183.388.169.164
Số dư cuối kỳ	89.812.137.383	92.386.521.852	182.198.659.235

Tập đoàn thuê một số thiết bị sản xuất theo các hợp đồng thuê tài chính khác nhau. Đến cuối giai đoạn thuê của từng hợp đồng thuê, Tập đoàn có quyền lựa chọn mua lại những thiết bị này với giá ưu đãi. Thiết bị thuê được dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê (thuyết minh 23(b)(ii)).

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy tính VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	290.897.222.864	2.125.503.674	293.022.726.538
Tăng trong kỳ	30.602.524.680	2.478.100.000	33.080.624.680
Số dư cuối kỳ	321.499.747.544	4.603.603.674	326.103.351.218
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	15.575.979.063	1.968.871.359	17.544.850.422
Khấu hao trong kỳ	1.276.913.044	275.186.245	1.552.099.289
Số dư cuối kỳ	16.852.892.107	2.244.057.604	19.096.949.711
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	275.321.243.801	156.632.315	275.477.876.116
Số dư cuối kỳ	304.646.855.437	2.359.546.070	307.006.401.507

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, trong quyền sử dụng đất có quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định với nguyên giá là 199.433 triệu VND (1 tháng 1 năm 2016: 199.433 triệu VND). không tính khấu hao.

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 1.927 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (1 tháng 1 năm 2016: 1.457 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 75.919 triệu VND (1 tháng 1 năm 2016: 46.074 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (thuyết minh 23(a) và thuyết minh 23(b)(i)).

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**15. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc</b>	
	<b>30/6/2016</b>	<b>30/6/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	10.682.444.920	8.459.453.546
Tăng trong kỳ	192.772.594.429	9.086.847.076
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(118.236.074.512)	-
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	(8.338.500.001)	(2.674.827.770)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(165.000.000)	-
Xóa sổ	(6.344.480.546)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	70.370.984.290	14.871.472.852
	<hr/>	<hr/>

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang gồm:

	<b>30/6/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công trình nhà máy	62.574.664.222	-
Máy móc	7.197.202.068	1.998.760.374
Phần mềm ERP	-	7.356.980.546
Phương tiện vận chuyển	-	806.000.000
Khác	599.118.000	520.704.000
	<hr/>	<hr/>
	70.370.984.290	10.682.444.920
	<hr/>	<hr/>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, xây dựng cơ bản dở dang có giá trị ghi sổ 58.350 triệu VND (1 tháng 1 năm 2016: không) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (thuyết minh 23(a) và thuyết minh 23(b)(i)).



**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Chi phí trả trước**

**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>30/6/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí công cụ và dụng cụ trả trước	20.765.029.764	15.163.620.582

---

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Công cụ và dụng cụ VND</b>
Số dư đầu kỳ	13.623.519.003
Tăng trong kỳ	9.382.016.748
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	165.000.000
Phân bổ trong kỳ	(4.127.725.409)
Số dư cuối kỳ	19.042.810.342

**17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

**Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận**

	<b>Thuế suất</b>	<b>30/6/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Lợi nhuận chưa thực hiện	8,5% - 20%	449.907.060	432.363.900
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:			
Dự phòng giảm giá đầu tư vào các công ty con	17% - 20%	(37.630.000.000)	(37.630.000.000)

---

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Lợi thế thương mại**

	<b>VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ	65.930.509.910
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu kỳ	36.358.145.391
Khấu hao trong kỳ	3.296.525.496
	39.654.670.887
<b>Giá trị ghi sổ</b>	
Số dư đầu kỳ	29.572.364.519
Số dư cuối kỳ	26.275.839.023

**19. Phải trả người bán**

**Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	<b>30/6/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Unilever Asia Private Limited	20.500.970.977	14.861.272.063
Indorama Polymers Public Company Limited	-	18.024.956.204
Khác	179.897.111.217	114.100.782.053
	200.398.082.194	146.987.010.320

Số dư phải trả người bán tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 1 tháng 1 năm 2016 không quá hạn.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**20. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước**

**(a) Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước**

	1/1/2016 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	30/6/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	2.645.761.603	96.733.930.619	(97.976.079.368)	1.403.612.854
Thuế nhập khẩu	-	244.885.444	(244.885.444)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.701.457.544	11.798.531.627	(9.766.689.833)	4.733.299.338
Thuế thu nhập cá nhân	645.963.533	7.438.500.125	(6.516.807.504)	1.567.656.154
	5.993.182.680	116.215.847.815	(114.504.462.149)	7.704.568.346

**(b) Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước**

	1/1/2016 VND	Số phải thu trong năm VND	Số đã được hoàn lại trong năm VND	30/6/2016 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	24.177.548.486	2.286.130.221	(3.974.400.295)	22.489.278.412

**21. Chi phí phải trả**

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Chi phí lãi vay phải trả	1.735.072.918	652.505.478
Lương và thưởng	5.545.084.230	8.001.839.425
Chi phí quảng cáo	2.000.000.000	5.318.315.987
Chi phí khác	7.168.787.928	4.512.080.763
	16.448.945.076	18.484.741.653

**22. Các khoản phải trả khác**

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Ký quỹ của khách hàng	4.970.456.176	2.734.322.213
Cổ tức	40.507.840.000	-
Các khoản khác	2.667.968.144	1.627.803.223
	48.146.264.320	4.362.125.436

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**23. Vay và nợ thuê tài chính**

**(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<b>1/1/2016 VND</b>	<b>Tăng VND</b>	<b>Giảm VND</b>	<b>30/6/2016 VND</b>
Vay ngắn hạn	805.954.832.135	1.014.503.335.879	(937.342.063.826)	883.116.104.188
Vay dài hạn đến hạn trả (b)(i)	20.000.000.000	10.000.000.000	(10.000.000.000)	20.000.000.000
Nợ gốc thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng (b)(ii)	49.087.892.727	23.777.239.599	(27.847.632.134)	45.017.500.192
	<b>875.042.724.862</b>	<b>1.048.280.575.478</b>	<b>(975.189.695.960)</b>	<b>948.133.604.380</b>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất năm</b>	<b>30/6/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
Ngân hàng Vietcombank	VND	6,0%	651.250.528.992	613.960.729.000
Ngân hàng Vietcombank	USD	3,0%	32.174.189.752	52.794.670.119
Ngân hàng Bảo Việt	VND	6,5% - 6,7%	157.953.115.299	139.199.433.016
Ngân hàn Tiên Phong	VND	6,90%	19.340.826.010	-
Ngân hàn Tiên Phong	VND	2,40%	10.624.529.135	-
Ngân hàng xây dựng Trung Quốc	VND	6,50%	11.772.915.000	-
			<b>883.116.104.188</b>	<b>805.954.832.135</b>

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các khoản vay từ ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn với giá trị ghi sổ lần lượt là 213.165 triệu VND, 39.421 triệu VND và 30.000 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (1 tháng năm 2016: tài sản cố định hữu hình giá trị 229.363 triệu VND và tài sản cố định vô hình giá trị 39.956 triệu VND) (thuyết minh 6, thuyết minh 12 và thuyết minh 14).

Các khoản vay được bảo đảm bằng khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Nhựa P.E.T Việt Nam theo mệnh giá 23.388 triệu VND.

**(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	<b>30/6/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
Vay dài hạn (i)	140.120.226.967	60.000.000.000
Nợ thuê tài chính (ii)	91.847.795.011	105.771.777.145
	<hr/> 231.968.021.978	<hr/> 165.771.777.145
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(65.017.500.192)	(69.087.892.727)
	<hr/> 166.950.521.786	<hr/> 96.683.884.418

**(i) Vay dài hạn**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất năm</b>	<b>Năm đáo hạn</b>	<b>30/6/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
Ngân hàng Vietcombank	VND	9,6%	2018	50.000.000.000	60.000.000.000
Ngân hàng Vietcombank	VND	9,3%	2024	90.120.226.967	-
				<hr/> 140.120.226.967	<hr/> 60.000.000.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(20.000.000.000)	(20.000.000.000)
				<hr/> 120.120.226.967	<hr/> 40.000.000.000

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các khoản vay từ ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ lần lượt là 249.914 triệu VND, 36.498 triệu VND và 58.350 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (1 tháng 1 năm 2016: tài sản cố định hữu hình giá trị 142.219 triệu VND và tài sản cố định vô hình giá trị 6.118 triệu VND) (thuyết minh 12, thuyết minh 14 và thuyết minh 15).

**(ii) Các khoản nợ thuê tài chính**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính như sau:

	<b>30/6/2016</b>		
	<b>VND</b>		
	<b>Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính</b>	<b>Tiền lãi thuê</b>	<b>Nợ gốc</b>
Trong vòng một năm	51.055.985.680	6.038.485.488	45.017.500.192
Từ hai đến năm năm	50.150.121.137	3.319.826.318	46.830.294.819
	<b>101.206.106.817</b>	<b>9.358.311.806</b>	<b>91.847.795.011</b>
	<b>1/1/2016</b>		
	<b>VND</b>		
	<b>Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính</b>	<b>Tiền lãi thuê</b>	<b>Nợ gốc</b>
Trong vòng một năm	56.523.259.308	7.435.366.581	49.087.892.727
Từ hai đến năm năm	60.877.966.443	4.194.082.025	56.683.884.418
	<b>117.401.225.751</b>	<b>11.629.448.606</b>	<b>105.771.777.145</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, các khoản nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ tương đương 1.170 triệu VND (1 tháng 1 năm 2016: 1.539 triệu VND).

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**24. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015</b>	522.500.000.000	46.900.000.000	(88.088.780.000)	5.714.053.793	11.293.166.612	192.503.849	97.820.924.123	12.384.599.570	608.716.467.947
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	3.930.788.239	(749.506.097)	3.181.282.142
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	-	17.090.050.395	(17.090.050.395)	-
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015</b>	522.500.000.000	46.900.000.000	(88.088.780.000)	5.714.053.793	11.293.166.612	192.503.849	118.841.762.757	(5.454.956.922)	611.897.750.089
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	51.822.215.578	(1.348.021.401)	50.474.194.177
Thanh lý công ty con	-	-	-	-	-	-	-	8.545.911.642	8.545.911.642
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016</b>	522.500.000.000	46.900.000.000	(88.088.780.000)	5.714.053.793	11.293.166.612	192.503.849	170.663.978.335	1.742.933.319	670.917.855.908
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	9.770.489.501	(178.144.785)	9.592.344.716
Chia cổ tức (thuyết minh 27)	-	-	-	-	-	-	(48.245.922.000)	(800.000.000)	(49.045.922.000)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016</b>	522.500.000.000	46.900.000.000	(88.088.780.000)	5.714.053.793	11.293.166.612	192.503.849	132.188.545.836	764.788.534	631.464.278.624

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**25. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2016		1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	52.250.000	522.500.000.000	52.250.000	522.500.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	52.250.000	522.500.000.000	52.250.000	522.500.000.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b>				
Cổ phiếu phổ thông	(4.004.078)	(88.088.780.000)	(4.004.078)	(88.088.780.000)
<b>Số cổ phiếu hiện đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	48.245.922	434.411.220.000	48.245.922	434.411.220.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, danh sách các cổ đông của Công ty như sau:

	Số cổ phiếu	%
Ông La Văn Hoàng	15.822.496	32,80%
Bà Bùi Bích Hồng	9.746.823	20,20%
Bà La Bùi Hồng Ngọc	9.538.463	19,77%
Ông La Bùi Hoàng Nghĩa	6.233.932	12,92%
Khác	6.904.208	14,31%
	48.245.922	100%



Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 26. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

### (i) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

### (ii) Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Được phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối căn cứ trên tỷ lệ phần trăm do cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên. Quỹ này dùng cho chi phí Hội đồng Quản trị Công ty.

## 27. Cổ tức

Đại hội cổ đông của Công ty ngày 21 tháng 4 năm 2016 đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho năm 2015 là 48.246 triệu VND, bằng 10% mệnh giá của cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm phân phối (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015: không).

## 28. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

### (a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Trong vòng một năm	14.859.199.965	8.552.434.500
Trong vòng hai đến năm năm	46.443.467.404	28.521.916.350
Sau năm năm	10.614.613.333	-
	<hr/>	<hr/>
	71.917.280.702	37.074.350.850

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Ngoại tệ các loại**

	30/6/2016		1/1/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	255.267	5.687.178.106	353.734	7.941.326.959
EUR	6.921	170.449.497	6.937	169.635.866

**29. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	860.707.060.432	867.087.285.516
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(4.144.676.812)	(1.494.411.096)
▪ Giảm giá hàng bán	(3.812.319.670)	-
▪ Hàng bán bị trả lại	(7.119.916.140)	(4.591.757.337)
	(15.076.912.622)	(6.086.168.433)
Doanh thu thuần	845.630.147.810	861.001.117.083

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**30. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc</b>	
	<b>30/6/2016</b>	<b>30/6/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thu nhập lãi tiền gửi và cho vay	5.514.086.209	1.867.891.224
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.067.087.694	434.094.584
Khác	631.968.402	
	7.213.142.305	2.301.985.808
	7.213.142.305	2.301.985.808

**31. Chi phí tài chính**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc</b>	
	<b>30/6/2016</b>	<b>30/6/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	30.131.330.960	32.955.715.805
Lỗ chênh lệch tỷ giá	534.598.286	4.080.091.895
	30.665.929.246	37.035.807.700
	30.665.929.246	37.035.807.700

**32. Chi phí bán hàng**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc</b>	
	<b>30/6/2016</b>	<b>30/6/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	48.557.859.701	35.442.630.510
Chi phí nguyên vật liệu	1.898.856.284	685.256.243
Chi phí công cụ và dụng cụ	4.015.101.355	2.381.685.877
Chi phí khấu hao	268.673.419	264.424.497
Chi phí vận chuyển	42.897.567.370	31.443.215.609
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.678.483.284	9.168.504.902
Chi phí quảng cáo	21.488.131.774	17.740.380.584
Chi phí khuyến mãi	183.822.677	7.380.860.656
Chi phí trưng bày sản phẩm	27.149.101	8.441.012.683
Chi phí hỗ trợ và hoa hồng cho nhà phân phối	45.580.486.364	1.313.823.772
Chi phí khác	14.198.283.256	4.890.921.159
	185.794.414.585	119.152.716.492
	185.794.414.585	119.152.716.492

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**33. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc</b>	
	<b>30/6/2016</b>	<b>30/6/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	29.475.939.023	20.134.994.299
Chi phí thiết bị văn phòng	320.697.304	296.165.519
Chi phí khấu hao	5.337.139.243	5.112.024.639
Phí và lệ phí	236.213.809	194.988.969
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.666.856.426	3.678.618.376
Khác	4.477.878.127	7.682.368.682
	<hr/>	<hr/>
	<b>50.514.723.932</b>	<b>37.099.160.484</b>
	<hr/>	<hr/>

**34. Thu nhập khác**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc</b>	
	<b>30/6/2016</b>	<b>30/6/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	85.577.559	-
Thu nhập từ bán phế liệu	810.948.262	2.655.513.964
	<hr/>	<hr/>
	<b>896.525.821</b>	<b>2.655.513.964</b>
	<hr/>	<hr/>

**35. Chi phí khác**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc</b>	
	<b>30/6/2016</b>	<b>30/6/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lỗi từ xóa sổ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	6.344.480.546	-
Lỗi do thanh lý tài sản cố định và chi phí thanh lý	-	747.926.960
Chi phí khác	217.625.217	1.929.169.226
	<hr/>	<hr/>
	<b>6.562.105.763</b>	<b>2.677.096.186</b>
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

### **36. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc</b>	
	<b>30/6/2016</b>	<b>30/6/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	484.189.336.074	411.141.543.097
Chi phí nhân công và nhân viên	119.314.967.501	94.996.346.391
Chi phí khấu hao và phân bổ	65.047.735.266	68.878.214.443
Chi phí khác	227.974.156.366	163.152.364.198

### **37. Thuế thu nhập**

#### **(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc</b>	
	<b>30/6/2016</b>	<b>30/6/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Giai đoạn hiện hành	11.773.019.454	7.724.858.839
Dự phòng (thừa)/thiếu trong những kỳ trước	(2.260.618.048)	2.668.533.122
	<b>9.512.401.406</b>	<b>10.393.391.961</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoãn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(17.543.160)	41.293.462.449
	<b>9.494.858.246</b>	<b>51.686.854.410</b>

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc</b>	
	<b>30/6/2016</b>	<b>30/6/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	19.087.202.962	54.868.136.552
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	3.817.440.592	12.070.990.041
Ưu đãi thuế	(5.661.658.055)	(3.239.694.128)
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác	(280.861.846)	27.733.129.165
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.294.055.894	1.425.179.384
Lỗ tính thuế được sử dụng	(1.162.422.038)	-
Dự phòng (thừa)/thiếu trong những kỳ trước	(2.260.618.048)	2.668.533.122
Tài sản thuế hoãn lại không được ghi nhận trên lỗ tính thuế của các công ty con	13.748.921.747	11.028.716.826
	<b>9.494.858.246</b>	<b>51.686.854.410</b>

**(c) Thuế suất áp dụng**

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho Công ty chưa tính các ưu đãi là 20% (2015: 22%).

Công ty Cổ phần PET Quốc tế và Công ty Cổ phần Thực phẩm Hồng Phú có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước mức thuế thu nhập lần lượt là 20% và 15% trên lợi nhuận chịu thuế. Tuy nhiên, cả hai công ty đều được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm tính từ năm đầu có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tiếp theo.

Công ty Cổ phần Nhựa P.E.T Việt Nam có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thông thường trên lợi nhuận chịu thuế.

Công ty Cổ phần Nắp Toàn cầu và Công ty TNHH MTV Bao Bì Quốc Tế Ngọc Nghĩa có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 20% trên lợi nhuận chịu thuế cho 10 năm đầu tiên kể từ năm công ty bắt đầu hoạt động và theo thuế suất thu nhập thông thường cho những năm sau đó và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho hai năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập trong 4 năm tiếp theo.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**38. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi khoản phân bổ vào Quỹ khen thưởng và phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền được tính như sau:

**(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc</b>	
	<b>30/6/2016</b>	<b>30/6/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	9.770.489.501	3.930.788.239

**(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc</b>	
	<b>30/6/2016</b>	<b>30/6/2015</b>
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cuối kỳ	48.245.922	48.245.922

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và 1 tháng 1 năm 2016, Tập đoàn không có cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm ẩn.

**39. Các hoạt động đầu tư và tài chính phi tiền tệ**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc</b>	
	<b>30/6/2016</b>	<b>30/6/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên giá của tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang được Tập đoàn thuê lại dưới dạng thuê tài chính	12.942.527.808	24.371.031.715
Thuế giá trị gia tăng của tài sản cố định được Tập đoàn thuê lại dưới dạng thuê tài chính	2.556.722.192	2.365.784.217

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**40. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**


Trong kỳ, Tập đoàn có các giao dịch sau với các bên liên quan.

**Giao dịch với các nhân sự chủ chốt**


	Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Lương và trợ cấp kinh doanh	10.187.499.230	10.187.499.230
Tạm ứng	34.390.331.564	-

Ngày 5 tháng 8 năm 2016

Người lập:

  
Đồng Thị Ngọc Triều  
Kế toán trưởng

Người duyệt:

  
Lê Văn Hoàng  
Tổng Giám đốc

